

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường PTDTNT THCS & THPT Xín Mần

Mã số ĐVSDNS: 1014305

Mã KBNN nơi giao dịch: 2472

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Đồng

| STT | Nội dung                                                                                                                        | Tổng số        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| A   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                  | 26.525.000.000 |
| I   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                                                       | 26.525.000.000 |
| 1   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                          | 26.525.000.000 |
| 1.1 | (Loại 070 - khoản 074; mã nguồn 12)                                                                                             | 26.209.000.000 |
|     | Kinh phí chi hoạt động thường xuyên                                                                                             | 13.103.900.000 |
|     | Học bổng khuyến khích học tập và học bổng chính sách theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ               | 11.187.100.000 |
|     | Kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ                                  | 1.445.200.000  |
|     | Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ | 56.000.000     |
|     | Kinh phí tham gia các kỳ thi, hội thi, hội thao, tập huấn HSG... lĩnh vực giáo dục                                              | 390.800.000    |
|     | Kinh phí các phần mềm phục vụ chuyên môn                                                                                        | 26.000.000     |
| +   | Kinh phí tiết kiệm chi 10%                                                                                                      | 66.000.000     |
| 1.2 | Loại 070 - khoản 074; mã nguồn 18                                                                                               | 316.000.000    |
|     | Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ                                                 | 316.000.000    |

